TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Hùng

Ông Nguyễn Duy Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh ngày 24/4/1974; Địa chỉ cư trú: Số nhà B đường H, tổ dân phố A, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Bị đơn: Ông Phan Trọng T, sinh ngày 16/6/1969; Địa chỉ cư trú: Số nhà B đường H, tổ dân phố A, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị N ***trình bày:***

Bà Lê Thị N và ông Phan Trọng T đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2001 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tình cảm bình thường. Từ năm 2013, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường uống rượu, đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà N. Trầm trọng nhất là vào ngày 10 tháng 10 năm 2023 ông T đánh bà N tổn thương ở đầu và mắt phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H. Vợ chồng đã sống ly thân 5 năm. Quá trình mâu thuẫn đã được gia đình, bạn bè thân thiết hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Bà N xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Phan Trọng T1, sinh ngày 19/09/2002; Phan Trọng Lâm sinh ngày 24/10/2004 và Phan Thị Linh Đ, sinh ngày 24/12/2011. Cháu Phan Trọng T1 đã trưởng thành, cháu Phan Trọng L đã mất ngày 29/3/2023 nên không đề nghị Toà án giải quyết về nuôi con. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Thị Linh Đ và không yêu cầu ông T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Trọng T ***trình bày:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất như trình bày của bà Lê Thị N. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do vợ không chung thuỷ. Ông Phan Trọng T trình bày vẫn còn tình cảm và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như trình bày của bà N. Ông T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Thị Linh Đ và không yêu cầu bà N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị N.

+Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cho bà Lê Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Thị Linh Đ; Ông Phan Trọng T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị N khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về nuôi con chung đối với bị đơn ông Phan Trọng T (cư trú tại: thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Trọng T và bà Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà N và ông T đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, theo bà N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do ông T thường uống rượu, đánh đập, chửi bới, xúc phạm, theo ông T trình bày nguyên nhân do bà N ngoại tình. Quá trình giải quyết vụ án, bà N cung cấp bệnh án bị đánh nhập viện điều trị. Ông T không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà N ngoại tình. Theo kết quả xác minh tại địa phương, trong quá trình chung sống ông T và bà N nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do ghen tuông, ông T có đánh đập bà N và vứt đồ đạc của bà N ra khỏi nhà và được liên đoàn cán bộ tổ dân phố và tổ liên gia đến hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà N đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà N ly hôn với ông T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Ông Phan Trọng T và bà Lê Thị N có 03 con chung tên là Phan Trọng T1, sinh ngày 19/09/2002; Phan Trọng Lâm sinh ngày 24/10/2004 và Phan Thị Linh Đ, sinh ngày 24/12/2011. Cháu Phan Trọng T1 đã trưởng thành, cháu Phan Trọng L đã mất ngày 29/3/2023. Hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Thị Linh Đ.Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu các bên cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con nhưng ông T không cung cấp gì, khi được hỏi về mức thu nhập hàng tháng ông T cũng không trả lời được, còn bà N đã cung cấp tài liệu thể hiện bà N hiện công tác tại Công ty cổ phần T2, thu nhập 9.000.000 đồng/tháng, có nhà thuê ở ổn định. Hơn nữa cháu Phan Thị Linh Đ có nguyện vọng được sống cùng mẹ, từ khi vợ chồng ly thân cháu đã sống cùng mẹ, cháu là con gái nên giao con cho mẹ tốt hơn cho sự phát triển của con. Vì vậy, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cháu Phan Thị Linh Đ cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà N không yêu cầu ông T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị N ly hôn với ông Phan Trọng T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Thị Linh Đ, sinh ngày 24/12/2011. Ông Phan Trọng T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001310 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Thạch Hà;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Sỹ Hùng **Nguyễn Duy Minh** **Lê Thanh Huyền**